TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Khiêm và bà Hà Thị Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Ma Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2026/QĐST- HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị T, sinh năm 1994; Số CCCD: 020194009371, ngày cấp: 16/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lường Văn B, sinh năm 1994; Số CCCD: 020094008414; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã N, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người làm chứng:* Anh Dương Văn T1, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/5/2026, lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Lường Văn B được tự do tìm hiểu nhau khoảng 05 tháng rồi mới tiến tới hôn nhân vào năm 2013, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn)

vào ngày 26/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên nhà chồng, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu chỉ là những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình, chị Lưu Thị T cố gắng chấp nhận bỏ qua để vợ chồng chung sống vì con cái. Đến năm 2022 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh Lường Văn B không quan tâm đến gia đình, đi đánh bạc (đánh tài sửu), về đòi tiền chị không cho, bảo chị tiêu tiền vào việc riêng nhưng thực chất chị mua điều hoà để phục vụ nhu cầu cuộc sống vợ chồng, anh Lường Văn B khi đó đã đánh chị rách cả đầu phải khâu mất 02 mũi. Anh Lường Văn B đi làm không đưa tiền cho vợ con chi tiêu, chị có tiền gửi tiết kiệm thì anh Lường Văn B yêu cầu chị phải rút ra để anh mang đi trả nợ tiền đánh bạc. Năm 2023 chị Lưu Thị T đã chấp nhận bỏ qua cho nhau để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành thì anh Lường Văn B đi làm ăn lại tiếp tục cặp bồ và đăng lên mạng xã hội, chị biết được từ đó vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng hai gia đình có biết, gia đình chị Lưu Thị T đã khuyên giải, mẹ chồng chị biết nhưng bảo: *"Nó cặp bồ thì cặp bồ, con vẫn ở đây với bố mẹ chồng, không phải ly hôn"* nhưng chị không chấp nhận, còn bố chồng thì bảo: *"không ở được thì giải quyết ly hôn cho xong"*. Nay chị Lưu Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Lường Văn B được. Chị Lưu Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lường Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015. Khi ly hôn chị Lưu Thị T yêu cầu anh Lường Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lưu Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Hiện tại con đang sống cùng bố và bà nội. Anh Lường Văn B đi làm vẫn gửi tiền về chu cấp nuôi con, đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ngoài ra còn có ông bà nội có sức khoẻ sẽ hỗ trợ giúp đỡ chăm con khi bố đi làm. Chị Lưu Thị T đi làm công nhân tại Bắc Ninh, thu nhập cũng đủ cấp dưỡng cho con và đảm bảo chi tiêu sinh hoạt, thuê nhà trọ của bản thân. Quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai. Do bận công việc làm ăn chị Lưu Thị T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Lường Văn B vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng.

Tại Bản khai của cháu Lường Thị Tuyết N đã trình bày và có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được sống cùng với bố là Lường Văn B.

Tại Biên bản làm việc ngày 05/6/2026, bố đẻ anh Lường Văn B là ông Lường Văn D trình bày: Ông là bố đẻ của anh Lường Văn B, anh Lường Văn B đã biết việc chị Lưu Thị T yêu cầu ly hôn nhưng do bận công việc nên không đến Tòa án giải quyết được. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh Lường Văn B và chị

Lưu Thị T trước khi cưới có thời gian tự tìm hiểu rồi mới tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng vợ chồng ông. Sau đó hai vợ chồng cùng nhau đi làm Công ty thỉnh thoảng về thăm bố mẹ, con cái. Vợ chồng anh Lường Văn B và chị Lưu Thị T xảy ra mâu thuẫn như thế nào và lý do tại sao thì ông không nắm được. Ông thấy chị Lưu Thị T không về nhà chồng từ năm 2023 đến nay không biết lý do tại sao. Nay chị Lưu Thị T yêu cầu ly hôn, anh Lường Văn B thông tin cho vợ chồng ông biết là anh đồng ý ly hôn với chị Lưu Thị T. Bản thân ông thì việc ly hôn hay đoàn tụ do các con tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lường Thị Tuyết N sinh năm 2015. Từ khi sinh ra đến nay cháu sống với bố và ông bà nội, bố mẹ cháu đi làm thì ở cùng ông bà. Anh Lường Văn B thông tin lại với ông là anh yêu cầu nuôi con và nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con của chị Lưu Thị T là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lường Văn B đi làm có thu nhập, vẫn gửi tiền về cho ông bà nuôi con, cháu Lường Thị Tuyết N đã lớn tự đi học, tự làm được các công việc cá nhân, ông bà cam đoan sẽ hỗ trợ cùng anh Lường Văn B chăm sóc, nuôi con đến khi trưởng thành, anh Lường Văn B có đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh Lường Văn B chưa cắt khẩu, chuyển khẩu đi đâu. Do anh Lường Văn B đi làm thỉnh thoảng vẫn về thăm con nên các văn bản tố tụng của Tòa án ông nhận thay và cam đoan sẽ giao, thông tin cho anh Lường Văn B.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 01/6/2026, anh Dương Văn T1 trình bày: Anh là anh trai cùng mẹ khác cha với chị Lưu Thị T, là anh vợ của Lường Văn B. Anh không có mâu thuẫn, thù hằn gì với Lưu Thị T và Lường Văn B. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T tự nguyện kết hôn với Lường Văn B, có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau, được hai gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lường Văn B đi chơi, đánh bạc tài sửu, không quan tâm vợ con, đi làm không đưa tiền phụ giúp vợ con, thậm trí còn có việc ngoại tình với người đàn bà khác. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ khoảng 03 năm nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, chị Lưu Thị T đã về nhà ngoại sống, anh Lường Văn B thì sống cùng với con và bố mẹ đẻ ở tại thôn N, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh không thấy cả hai còn quan tâm đến nhau, theo anh thấy vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ với nhau được, nhưng việc ly hôn hay đoàn tụ là do hai vợ chồng tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Từ khi ly thân con sống cùng bố và ông bà nội, chị Lưu Thị T đi làm vẫn chu cấp tiền nuôi con. Anh Lường Văn B đi làm cũng có thu nhập, bố mẹ đẻ của anh Lường Văn B thì có nhà cửa, có sức khoẻ sẽ hỗ trợ anh Lường Văn B trong việc nuôi con. Chị Lưu Thị T đi làm sẽ hỗ trợ cấp dưỡng để nuôi con đến trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không thấy vợ chồng chị Lưu Thị T và anh Lường Văn B có gì. Do bận công việc, anh không tham gia tố tụng được đề nghị Toà án không triệu tập, anh vẫn giữ nguyên lời khai đã trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lường Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Lưu Thị T và anh Lường Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 26/8/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đã có mâu thuẫn sau 02 năm chung sống với nhau, ban đầu chỉ là những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình. Từ năm 2022 vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng hơn, không còn tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau, không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Chị Lưu Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lường Văn B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Lường Văn B. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lường Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015. Hiện nay cháu Lường Thị Tuyết N đang sống với bố và ông bà nội. Xét thấy anh Lường Văn B đã thông tin lại với bố đẻ yêu cầu được nuôi con, anh có thu nhập ổn định, có bố mẹ đẻ cam kết hỗ trợ trong việc nuôi con nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, phù hợp với yêu cầu của chị Lưu Thị T là yêu cầu anh Lường Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, phù hợp với ý kiến của cháu Lường Thị Tuyết N có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố Lường Văn B. Chị Lưu Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Lường Văn B cũng nhất trí. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Lường Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015 cho anh Lường Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của chị Lưu Thị T về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hằng tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Lưu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lưu Thị T vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện chị đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lường

Văn B đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng anh Dương Văn T1 từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật phải giải quyết là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Bị đơn anh Lường Văn B; cư trú tại thôn N, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Lường Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 26/8/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã có mâu thuẫn sau 02 năm chung sống với nhau. Từ năm 2022 vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng hơn, cả hai không còn tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, từ khi ly thân cả hai đã không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau, không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lưu Thị T và anh Lường Văn B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Lường Văn B có 01 con chung là cháu Lường Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015. Hiện nay cháu đang sống với bố và ông bà nội. Xét thấy, anh Lường Văn B đã thông tin lại với bố đẻ yêu cầu được nuôi con, anh có chỗ ở, có thu nhập ổn định, có bố mẹ đẻ cam kết hỗ trợ trong việc nuôi con nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, phù hợp với ý kiến của chị Lưu Thị T là yêu cầu anh Lường Văn B nuôi con và ý kiến của cháu Lường Thị Tuyết N có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố Lường Văn B. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, tiếp tục giao cháu Lường Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015 cho anh Lường Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lưu Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lường Văn B cũng nhất trí mức cấp dưỡng của chị Lưu Thị T. Việc tự nguyện cấp dưỡng của chị Lưu Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử ghi nhận và thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng, chị Lưu Thị Tuyết P chịu lãi suất chậm trả theo quy định. Chị Lưu Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lưu Thị T thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lưu Thị T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, khoản 1 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Lường Văn B. *Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2014, đăng ký ngày 26/8/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lường Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015 cho anh Lường Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lưu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) cho đến con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng.

Chị Lưu Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lưu Thị T thực hiện quyền này.

3. Về lãi suất chậm trả: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Lưu Thị T phải nộp là 600.000 đồng *(sáu trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* chị Lưu Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001181, ngày 25/5/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn. Chị Lưu Thị T phải nộp tiếp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Huyền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- UBND xã N, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Khiêm **Hà Thị Nhung** **Nguyễn Thuý Huyền**